

PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ THIẾT BỊ, VẬT TƯ VÀ NỘI DUNG BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA
(Kèm theo Công văn số /DNA-VP ngày tháng năm 2025)

A. Thông số thiết bị

Stt	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
1	Toyota Landcruiser Prado biển kiểm soát số 48A-038.16	- Nhãn hiệu: Toyota - Số khung: 3FJ00K21371 - Số máy: 87066022TR - Số loại: Prado - Loại xe: Ô tô con - Dung tích: 2694 - Màu sơn: Đồng - Số chỗ ngồi: 7	Cái	1	
2	Toyota Camry 2.4 biển kiểm soát số 48A-038.53	- Nhãn hiệu: Toyota - Số khung: RL4BF0FK3F6002932 - Số máy: 2AR1283993 - Số loại: Camry G Asv500L-Jetecu; - Loại xe: Ô tô con - Dung tích: 2494 - Số chỗ ngồi: 5	Cái	1	

B. Nội dung bảo dưỡng sửa chữa

Stt	Nội dung công việc	Đvt	Số lượng	Ghi chú
I	Xe Toyota Landcruiser Prado biển kiểm soát số 48A-038.16	Cái	1	
1	Thay thế phụ tùng	Bộ	1	
2	Tháo lắp phục vụ sơn	Bộ	1	
3	Sơn toàn bộ xe	Bộ	1	
4	Đại tu động cơ	Cái	1	
5	Đoa lòng xy lanh	Bộ	1	
6	Mài cổ trục cơ	Cái	1	
7	Phay mặt quy lát	Cái	1	
II	Xe Toyota Camry 2.4 biển kiểm soát số 48A-038.53			
1	Thay thế phụ tùng	Bộ	1	
2	Tháo lắp phục vụ sơn	Bộ	1	
3	Công sơn nguyên xe 5 chỗ	Bộ	1	
4	Đại tu động cơ	Cái	1	
5	Đoa lòng xy lanh	Bộ	1	
6	Mài cổ trục cơ	Cái	1	
7	Phay mặt quy lát	Cái	1	

Stt	Nội dung công việc	Đvt	Số lượng	Ghi chú
8	Tháo rửa tạp lô vệ sinh giàn lạnh	Bộ	1	

C. Vật tư

Stt	Tên vật tư	Mã phụ tùng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
I	Xe Toyota Landcruiser Prado biển kiểm soát số 48A-038.16				
I.1	Phần động cơ				
1	Nhớt máy	0888080126	Lít	6	
2	Lọc nhớt	90915YZZD2	Cái	1	
3	Long đèn nhớt	9043012031	Cái	1	
4	Nước làm mát	0888980080	Can	3	
5	Dầu phanh	0882380050	Lít	1	
6	Dầu trợ lực lái	0888680806	Lít	2	
7	Ga điều hòa R134a	GDH	Xe	1	
8	Lọc xăng	2330031160	Cái	1	
9	Piston	1310375130	Cái	4	
10	Bộ ron đại tu	0411175C01	Bộ	1	
11	Bạc biên	1320475070	Cái	1	
12	Bạc ba li ê	1170475033	Cái	1	
13	Bạc xéc măng	1301375110	Cái	1	
14	Canh dọc trục	1101175020	Cái	2	
15	Bugì	9091901266	Cái	4	
16	Bơm nước	1610079445	Cái	1	
17	Lọc gió động cơ	1780130040	Cái	1	
18	Bánh răng trục cân bằng	1363275010	Cái	1	
19	Bánh răng trục cân bằng số 2	1363375010	Cái	1	
20	Bánh răng trục khuỷu	1352175021	Cái	1	
21	Nhông cam (cụm bánh răng ở trục cam)	1305075030	Cái	1	
22	Nhông cam (bánh răng trên trục cam)	1352375030	Cái	1	
23	Miếng tỳ giảm rung của xích cam	1356175060	Cái	1	
24	Miếng tỳ đỡ tăng xích cam	1355975060	Cái	1	
25	Bộ tăng xích cam	1354075041	Cái	1	
26	Miếng tỳ giảm rung của xích cam số 2	1356275010	Cái	1	
27	Bộ tăng xích cam số 2	1355075010	Cái	1	
28	Miếng tỳ giảm rung của xích cam số 3	1356375021	Cái	1	
29	Dây cu roa cao su hình chữ V	9091602708	Cái	1	
30	Bộ tăng dây cu-roa	1662075051	Cái	1	

Stt	Tên vật tư	Mã phụ tùng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
31	Van hằng nhiệt	9091603093	Cái	1	
32	Gioăng cửa vào két nước	1632575011	Cái	1	
33	Gioăng cửa vào két nước	1632576010	Cái	1	
34	Pu-ly máy phát điện kèm ly hợp từ	274150W063	Cái	1	
35	Đế giữ chổi than máy phát	273700C020	Cái	1	
36	Ổ bi cổ máy phát điện	9009910223	Cái	1	
37	Lõi đề của củ đề khởi động	2801176070	Cái	1	
38	Đế chổi than máy khởi động	2814076070	Cái	1	
39	Cuộn đánh lửa	9091902260	Cái	4	
40	Chân máy động cơ	1236175071	Cái	2	
41	Chân cách nhiệt giá đỡ động cơ	1237175180	Cái	1	
I.2	Phần gầm và sơn				
1	Giảm xóc trước	48510-80671	Cái	2	
2	Ổng giảm xóc sau	48530-80701	Cái	2	
3	Cao su giảm chấn cân bằng trước	48815-60380	Cái	2	
4	Cao su giảm chấn cân bằng sau	48818-60040	Cái	2	
5	Rotuyn ổn định cầu trước	48820-60050	Cái	1	
6	Rotuyn ổn định cầu trước	48810-60040	Cái	1	
7	Rotuyn cân bằng trước	48830-60030	Cái	2	
8	Tay đòn ổn định	48811-60310	Cái	1	
9	Giăng ngang sau trên	48770-60010	Cái	1	
10	Tay đòn hệ thống treo trước	48740-60160	Cái	1	
11	Tay đòn hệ thống treo sau	48720-35061	Cái	2	
12	Ổng thép lồng trong lò xo giảm xóc	48302-60110	Cái	2	
13	Cao su giảm chấn	48306-60180	Cái	2	
14	Càng chữ A hệ thống treo trước	48630-60040	Cái	1	
15	Càng chữ A hệ thống treo trước	48610-60070	Cái	1	
16	Càng chữ A hệ thống treo sau	48068-60040	Cái	1	
17	Càng chữ A hệ thống treo sau	48069-60040	Cái	1	
18	Cao su che bụi trục lap trước	04427-60133	Cái	2	
19	Rotuyn lái trong	45503-60040	Cái	2	
20	Rotuyn lái ngoài	45046-69245	Cái	2	
21	Cao su che bụi thước lái	45535-69015	Cái	1	
22	Cao su che bụi thước lái	45535-69025	Cái	1	
23	Vòng bi may ơ đĩa phanh	43570-60011	Cái	2	

Stt	Tên vật tư	Mã phụ tùng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	trước				
24	Phốt chặn dầu trực lap	90310-58004	Cái	2	
25	Phốt láp trước	90311-47027	Cái	1	
26	Phốt láp trước	90311-47026	Cái	1	
27	Phốt chặn dầu thước lái	90311-47027	Cái	2	
28	Vòng đệm trục may ơ cầu xe	42423-60050	Cái	2	
29	Miếng đỡ ống xả	17565-0P110	Cái	4	
30	Miếng đỡ ống xả	17565-31050	Cái	1	
31	Dung dịch súc rửa động cơ	08814-80061	Chai	1	
32	Dung dịch vệ sinh kim phun	08813-80019	Chai	1	
33	Cao su gạt nước mưa	85214-52110	Cái	1	
34	Cao su gạt nước mưa	85214-60120	Cái	1	
35	Lọc gió điều hòa	87139-YZZ78	Cái	1	
36	Dầu hộp số	08885-80805	Lít	8	
37	Dầu vi sai cầu sau	08885-80815	Lít	4,4	
38	Dung dịch làm sạch giàn lạnh	08821-80890	Chai	2	
39	Bộ má phanh trước	04465-60320	Bộ	2	
40	Bộ má phanh sau	04466-60140	Bộ	2	
41	Vật tư sơn nguyên xe 7 chỗ (trong ngoài)		Xe	1	
42	Bọc da ghế hàng 1 và 2		Bộ	1	
II Xe Toyota Camry 2.4 biển kiểm soát số 48A-038.53					
II.1	Phần động cơ				
1	Pít-tông	1321136090A0	4	Cái	
2	Xéc-măng	1301136170	1	Cái	
3	Bạc biên	132813602101	8	Cái	
4	Bạc lót cổ khuỷu (bạc ba li ê) số 1	117113605001	5	Cái	
5	Bạc lót cổ khuỷu (bạc ba li ê) số 2	117213605001	5	Cái	
6	Xích cam	1350636030	1	Cái	
7	Miếng tỳ để tăng xích cam	1355936040	1	Cái	
8	Miếng tỳ giảm rung của xích cam	1356136030	1	Cái	
9	Dẫn hướng xích cam	1356636011	1	Cái	
10	Nhông cam (cụm bánh răng ở trục cam)	1305036030	1	Cái	
11	Bánh răng trục cam	1307036030	1	Cái	
12	Bộ tăng xích cam	1354036041	1	Cái	
13	Bộ gioăng phốt đại tu động cơ	411136126	1	Cái	
14	Bugì	90919-01233	4	Cái	
15	Lỗi lọc dầu	04152-YZZA1	1	Cái	



Stt	Tên vật tư	Mã phụ tùng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
16	Dầu máy 10w-30	08880-80126	4,2	Lít	
17	Gioăng làm kín ốc xả dầu	90430-12031	1	Cái	
18	Vệ sinh hệ thống phanh	08834-80150	1	Lần	
19	Vệ sinh kim phun	08813-80019	1	Lần	
20	Lọc gió động cơ	17801-0H030	1	Cái	
21	Dầu phanh	08823-80050	1	Lít	
22	Nước làm mát	08889-80080	2	Can	
23	Chân máy động cơ	12361-0V170	1	Cái	
24	Chân máy động cơ	12362-36052	1	Cái	
25	Chân máy động cơ	12372-36040	1	Cái	
26	Ga điều hòa	GDH	1	Xe	
27	Dây cu roa cao su hình chữ V	9.091.602.667	1	Cái	
28	Bơm nước	1.610.039.516	1	Cái	
29	Lõi lọc gió động cơ	178010H030	1	Cái	
30	Cuộn đánh lửa	9091902256	4	Cái	
31	Vòng bi	9006810040	1	Cái	
32	Đế giữ chổi than máy phát	273700M040	1	Cái	
33	Van hằng nhiệt	9091603129	1	Cái	
34	Gioăng cửa vào két nước	1632528010	1	Cái	
35	Bộ tăng dây cu-roa	1662036013	1	Cái	
II.2	Phần gầm và sơn				
1	Thước lái	45510-06041	Bộ	1	
2	Lọc gió điều hòa	87139-YZZ78	Cái	1	
3	Cao su chân máy	12363-0V140	Cái	1	
4	Càng chữ A	48068-33070	Cái	1	
5	Càng chữ A	48069-33070	Cái	1	
6	Rotuyn trụ dưới	43330-09580	Cái	1	
7	Rotuyn trụ dưới	43340-09100	Cái	1	
8	Ống giảm xóc sau	48530-8Z007	Cái	1	
9	Ống giảm xóc sau	48540-09C60	Cái	1	
10	Giảm xóc trước	48520-8Z076	Cái	1	
11	Giảm xóc trước	48510-8Z211	Cái	1	
12	Cao su chữ U trước	48815-06230	Cái	2	
13	Cao su chữ U sau	48818-06220	Cái	2	
14	Cao su chắn bụi giảm xóc	48157-06210	Cái	2	
15	Cao su giảm chấn	48331-33071	Cái	2	
16	Rotuyn ổn định trước	48820-06070	Cái	2	
17	Cao su giảm chấn	48341-32054	Cái	2	
18	Rotuyn cân bằng sau	48830-06070	Cái	2	
19	Gioăng cửa trước	67862-06130	Cái	1	
20	Gioăng cửa trước	67861-06130	Cái	1	

00256
CHI NH
TẬP D
NG NG
DANG S
CÔNG
ĐẮK N
P'LAI

Stt	Tên vật tư	Mã phụ tùng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
21	Gioăng cửa sau	67872-06130	Cái	1	
22	Gioăng cửa sau	67871-06130	Cái	1	
23	Gioăng capo sau	64461-06150	Cái	1	
24	Gioăng đệm cửa trước	6231206170C0	Cái	1	
25	Gioăng đệm cửa trước	6231106170C0	Cái	1	
26	Gioăng đệm cửa sau	6233206160C0	Cái	1	
27	Gioăng đệm cửa sau	6233106160C0	Cái	1	
28	Vật tư sơn sơn nguyên xe 5 chỗ (trong ngoài)		Xe	1	
29	Phim cách nhiệt 3M		Bộ	1	

066
ANH
AN
P THA
VIỆT
NHÔ
G-TKV
T.ĐA

PHỤ LỤC 2
MẪU BIỂU BÁO GIÁ SỬA CHỮA XE TOYOTA LANDCRUISER
PRADO BIỂN KIỂM SOÁT SỐ 48A-038.16 VÀ TOYOTA CAMRY 2.4
BIỂN KIỂM SOÁT SỐ 48A-038.53

1. Mẫu báo giá nội dung công việc bảo dưỡng sửa chữa

Stt	Nội dung công việc	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Nội dung công việc 1					
2	Nội dung công việc 2					
	Tổng cộng trước thuế:					
	Thuế GTGT:					
	Tổng cộng sau thuế:					
	Bằng chữ:.....					

2. Mẫu báo giá vật tư

Stt	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Thời gian bảo hành	Thời gian, tiền độ cung cấp	Giấy tờ kèm theo	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1												
2												
3												
	Tổng cộng trước thuế:											
	Thuế GTGT:											
	Tổng cộng sau thuế:											
	Bằng chữ:.....											

Yêu cầu khác: Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 45 ngày



✓